

Số: **698**/QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày **08** tháng **4** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hệ thống cấp nước Khu liên hợp Công nghiệp và Đô thị Becamex - Bình Phước và vùng lân cận”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương tại Văn bản số 198/TCTBWE-ĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hệ thống cấp nước Khu liên hợp Công nghiệp và Đô thị Becamex - Bình Phước và vùng lân cận” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã Chơn Thành, huyện Hớn Quản và thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm

2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Phước;
- Sở NN&MT tỉnh Bình Phước;
- Công ty CP - TCT Nước - MT Bình Dương;
- Văn phòng TN&TKQ, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, HTN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “HỆ THỐNG CẤP NƯỚC KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC VÀ VÙNG LÂN CẬN”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Hệ thống cấp nước Khu liên hợp Công nghiệp và Đô thị Becamex - Bình Phước và vùng lân cận”.
- Chủ dự án: Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
- Địa chỉ liên hệ: số 11 Ngõ Văn Trị, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Thị xã Chơn Thành, huyện Hớn Quản và thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.
- Dự án Hệ thống cấp nước sạch Khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex Bình Phước và vùng phụ cận được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (UBND) phê duyệt chủ trương đầu tư tại các Quyết định số: 2634/QĐ-UBND ngày 24/11/2015; 2112/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 (lần 1); 873/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 (lần 2); 2345/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 (lần 3). Theo đó, Dự án được đầu tư với mục tiêu xây dựng hệ thống cấp nước sạch cung cấp cho Khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex Bình Phước, Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản và vùng lân cận, Trung tâm hành chính Thị xã Bình Long và Khu dân cư Hưng Mai.
- Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2634/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND tỉnh Bình Phước, dự án được phê duyệt với quy mô công suất là 6.000 m³/ngày đêm. Hiện nay, nhà máy nước Chơn Thành hiện hữu, trạm bơm tăng áp Chơn Thành và trạm bơm tăng áp Hớn Quản (Nhà máy hiện hữu) đang hoạt động với công suất giai đoạn 1 là 3.000 m³/ngày đêm. Nhà máy hiện hữu khai thác nước mặt từ kênh dẫn nước Phước Hòa - Dầu Tiếng thuộc địa phận xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương về nhà máy nước Chơn Thành để xử lý cung cấp nước sạch cho Khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex Bình Phước, Trung tâm hành chính huyện Hớn Quản và vùng lân cận, Trung tâm hành chính Thị xã Bình Long và Khu dân cư Hưng Mai.

1.2. Quy mô, công suất của Dự án:

- Quy mô diện tích: tổng diện tích Dự án 28.864,5 m², trong đó:
 - + Diện tích 27.125,7 m² (nhà máy xử lý nước sạch Chơn Thành: 24.072,1 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT37096 cấp ngày 26/01/2022); trạm bơm tăng áp Chơn Thành: 3.053,6 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CT10775 cấp ngày 29/6/2018)).

+ Diện tích trạm bơm tăng áp Hớn Quản: 1.738,8 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT37097 cấp ngày 26/01/2022 với diện tích 1.481,0m² và số CT21357 cấp ngày 03/01/2020 với diện tích 257,8 m²).

- Quy mô công suất: công suất thiết kế 60.000 m³/ngày đêm.

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Sơ đồ hệ thống cấp nước: Tuyến ống nước thô → Nhà máy xử lý nước sạch → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới phân phối.

- Công nghệ xử lý nước (Nhà máy nước xử lý nước sạch): Nước thô → Bể trộn → Bể phản ứng → Bể lắng → Bể lọc → Khử trùng tại đường ống sau bể lọc → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2 → Mạng lưới phân phối.

- Tiêu chuẩn chất lượng nước sau xử lý trước khi đưa vào mạng lưới phân phối đảm bảo đạt QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án:

T T	Các hạng mục công trình	Diện tích (m²)
I	Công trình hiện trạng đã xây dựng được giữ nguyên	-
I.1	Nhà máy xử lý nước sạch Chơn Thành	3.733,10
1	Bể trộn số 1	283,20
2	Bể phản ứng - lắng số 1 (diện tích bể phản ứng 106,73 m ² ; diện tích bể lắng 342,07 m ²)	448,80
3	Bể phản ứng - lắng số 2 (diện tích bể phản ứng 136,46 m ² ; diện tích bể lắng 445,94 m ²)	582,40
4	Bể lọc số 1	169,00
5	Bể lọc số 2	287,40
6	Bể chứa số 1	942,50
7	Bể chứa số 2	1.400,00
8	Trạm bơm cấp 2, máy phát điện	277,70
9	Nhà đặt máy thổi gió	24,00
10	Hồ lắng bùn	848,00
11	Nhà hoá chất	70,60
12	Nhà điều hành	309,50
13	Nhà vôi	42,80
14	Hố thu hồi nước rửa lọc	20,30
15	Nhà xe, kho	304,66
16	Nhà kho	513,00
17	Xưởng cơ khí	200,00
18	Nhà ăn tạm	180,00
19	Nhà tập thể	149,40

T T	Các hạng mục công trình	Diện tích (m²)
20	Nhà bảo vệ	13,20
I.2	<i>Trạm bơm tăng áp Chơn Thành</i>	
1	Bể chứa	926,20
2	Trạm bơm, phòng điều khiển, nhà đặt máy phát điện dự phòng	196,80
3	Nhà hóa chất	16,00
4	Nhà đặt máy phát điện	35,00
I.3	<i>Trạm bơm tăng áp Hớn Quản</i>	
1	Bể chứa	400,00
2	Trạm bơm, nhà đặt máy phát điện, nhà hóa chất	50,40
I.4	<i>Mạng lưới đường ống phân phối</i>	
1	Tuyến ống truyền tải nước sạch D225 – D1200 với tổng chiều dài 144.284 m	-
2	Tuyến ống phân phối HDPE D63-160 với tổng chiều dài 353.531 m	-
II	<i>Công trình được đầu tư bổ sung</i>	
1	Bể trộn	55,60
2	Bể phản ứng - lắng (diện tích bể phản ứng 210,85 m ² ; diện tích bể lắng 697,95 m ²)	908,80
3	Bể lọc	401,80
4	Bể chứa	2.035,00
5	Nhà vôi	81,00
6	Đường ống kỹ thuật và thoát nước đồng bộ kết nối các công trình đầu tư bổ sung khoảng 550m	-

1.4.2. Các hoạt động của Dự án:

- Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu: đào đắp, san gạt mặt bằng; vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu; thi công xây dựng các hạng mục công trình; sinh hoạt của công nhân viên; hoạt động sản xuất của Nhà máy hiện hữu.

- Giai đoạn vận hành tổng thể: hoạt động sản xuất của nhà máy nước; hoạt động sinh hoạt của công, nhân viên làm việc tại Dự án.

1.4.3. Các hoạt động không thuộc phạm vi ĐTM tại Quyết định này

Phạm vi của Dự án không bao gồm hạng mục Trạm bơm nước thô tại xã Trù Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường (được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:
- + Bố trí 01 công trường thi công;
- + Bụi từ quá trình đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu; khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị máy móc, hoạt động của máy móc, thi công; bụi, khí thải từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy nước Chơn Thành hiện hữu, trạm bơm tăng áp Chơn Thành và trạm bơm tăng áp Hớn Quản;
- + Nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH) từ hoạt động thi công xây dựng và hoạt động quản lý, vận hành Nhà máy hiện hữu; nước thải thi công xây dựng.
- Giai đoạn vận hành tổng thể: bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải rắn sinh hoạt; CTNH; tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố (sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ) từ hoạt động của hệ thống cấp điện.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- a) Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:
 - Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân thi công xây dựng và công nhân làm việc tại Nhà máy hiện hữu khoảng 2,4 m³/ngày đêm (bao gồm: hoạt động của công nhân thi công và công nhân làm việc tại nhà máy nước Chơn Thành hiện hữu, hoạt động của công nhân làm việc tại trạm bơm tăng áp Chơn Thành, trạm bơm tăng áp Hớn Quản). Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.
 - Nước thải phát sinh từ quá trình rửa thiết bị, công cụ dụng cụ thi công với khối lượng khoảng 01 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng.
 - Nước thải phát sinh từ hoạt động phụt rửa bánh xe khoảng 03 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ khoáng.
 - Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất tại Nhà máy hiện hữu, bao gồm nước từ quá trình rửa lọc, vệ sinh bể khoảng 1.000 m³/ngày đêm và nước từ quá trình lắng bùn khoảng 05 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ

lửng, bùn cặn.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm tại Nhà máy hiện hữu khoảng 16,5 lít/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: PO_4^{3-} , Cl^- , SO_4^{2-} , Ca^{2+} , phenol.

b) Giai đoạn vận hành tổng thể:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,4 m³/ngày đêm (bao gồm: từ công nhân làm việc tại nhà máy nước Chơn Thành, trạm bơm tăng áp Chơn Thành, Hón Quán). Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (NO_3^-) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), tổng Coliforms.

- Nước thải sục rửa bể lọc và vệ sinh bể khoảng 2.000 m³/ngày đêm; nước từ quá trình lắng bùn khoảng 10 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng, bùn cặn.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm khoảng 30 lít/năm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: PO_4^{3-} , Cl^- , SO_4^{2-} , Ca^{2+} , phenol.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp; hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng; hoạt động của máy móc thiết bị thi công; từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Nhà máy hiện hữu và các trạm bơm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NO₂, CO, CO₂, SO₂.

+ Mùi, hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Nhà máy hiện hữu và các trạm bơm.

- Giai đoạn vận hành tổng thể:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông của công nhân viên. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng: NO₂, CO, CO₂, SO₂.

+ Mùi, hơi hoá chất từ quá trình hoạt động của Dự án.

3.2. Chất thải rắn, CTNH:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn:

a) Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 55 kg/ngày (bao gồm: từ công nhân thi công và công nhân viên làm việc tại nhà máy nước Chơn Thành hiện hữu, công nhân viên làm việc tại trạm bơm tăng áp Chơn Thành, tại trạm bơm tăng áp Hón Quán). Thành

phần chủ yếu: rác thải hữu cơ, thức ăn dư thừa dễ phân hủy, túi nilon, giấy ăn.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng với tổng khối lượng khoảng 34,91 tấn. Thành phần chủ yếu: bê tông, gạch, đá, gỗ vụn.

- Đất, đá thải từ quá trình thi công móng khoảng 9.699 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của Nhà máy hiện hữu gồm:

- + Bùn, đất nạo vét từ các hệ thống cống rãnh, hố ga, ước tính khối lượng khoảng 01 - 02 tấn/03 tháng.

- + Bùn thải từ quá trình lắng bùn khoảng 900 kg/ngày (bao gồm: bùn lắng từ quá trình rửa lọc, quá trình vệ sinh bể lọc, bùn từ bể lắng).

- + Bao bì chứa hoá chất khoảng 06 kg/tháng.

b) Giai đoạn vận hành tổng thể:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại Dự án khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án:

- + Bùn, đất nạo vét từ các hệ thống cống rãnh, hố ga, ước tính khối lượng khoảng 01 - 02 tấn/tháng.

- + Bùn thải từ quá trình lắng bùn khoảng 1.785 kg/ngày (bao gồm: bùn lắng từ quá trình rửa lọc, quá trình vệ sinh bể lọc, bùn từ bể lắng).

- + Bao bì chứa hoá chất khoảng 12 kg/tháng.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH:

- Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu: phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng và hoạt động của Nhà máy hiện hữu với tổng khối lượng khoảng 158 kg/năm. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, hộp mực in thải, pin, ắc quy chì thải, bao bì cứng thải bằng nhựa hoặc kim loại chứa thành phần nguy hại, bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại, dầu que hàn.

- Giai đoạn vận hành tổng thể: phát sinh từ hoạt động vận hành khoảng 135 kg/năm. Thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, hộp mực in thải, pin, ắc quy chì thải, bao bì cứng thải bằng nhựa hoặc kim loại chứa thành phần nguy hại, bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải, hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu: hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình xử lý nước của Nhà máy hiện hữu: tiếng ồn phát sinh từ hoạt

động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng và phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu và máy móc thiết bị sản xuất.

- Giai đoạn vận hành tổng thể: tiếng ồn phát sinh từ các máy móc, thiết bị sản xuất và các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án.

3.4. Các tác động khác:

- Tác động bởi sự cố (sự cố chập điện, cháy nổ, hỏng hóc máy móc, hệ thống xử lý nước cấp).

- Nước mưa chảy tràn trên diện tích Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 25.920,05 m³/ngày và trong giai đoạn vận hành khoảng 28.144,75 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: đất, cát, TSS.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân thi công xây dựng và công nhân làm việc tại Nhà máy hiện hữu được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn hiện hữu đã được đầu tư xây dựng tại khu vực nhà máy nước Chơn Thành, trạm bơm tăng áp Chơn Thành, trạm bơm tăng áp Hớn Quản để lưu trữ tạm thời. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút đưa đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 02 lần/tuần hoặc theo thực tế phát sinh khi bể gần đầy, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải thi công:

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ thi công được thu gom vào thùng phuy dung tích 120 lít để lắng đọng chất rắn lơ lửng. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được tái sử dụng toàn bộ vào hoạt động phối trộn nguyên vật liệu xây dựng, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ hoạt động phụt rửa bánh xe được thu gom về hệ thống 01 cầu rửa xe, rãnh thu và hố lắng cấu tạo 02 ngăn dung tích 03 m³ tại cổng vào khu vực thi công. Nước rửa xe sau khi được khi lắng cặn và tách dầu được tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động rửa xe, không xả ra môi trường.

+ Cặn lắng được sử dụng để san gạt tôn tạo mặt bằng tại vị trí ô đất dự trữ phát triển nằm trong ranh giới Dự án.

- Toàn bộ nước thải sản xuất của Dự án được lắng để tách bùn tuần hoàn tái sử dụng bằng cách đưa về bể trộn, không thải ra ngoài môi trường.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đưa đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành tổng thể:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về các bể tự hoại 03 ngăn hiện hữu đã được đầu tư xây dựng tại khu vực nhà máy nước Chơn Thành, trạm bơm tăng áp Chơn Thành, trạm bơm tăng áp Hớn Quản để lưu trữ tạm thời. Hợp đồng với

đơn vị có chức năng định kỳ hút toàn bộ lượng nước thải phát sinh đưa đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 02 lần/tuần hoặc theo thực tế phát sinh khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất của Dự án được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, lắp đặt và vận hành Dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công phải đạt tiêu chuẩn quy định; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó.

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2,5 - 03 m xung quanh vị trí công trình thi công để hạn chế phát tán bụi ra môi trường.

- Sử dụng bạt để che, phủ các bãi vật liệu rời tránh phát tán bụi khi có gió. Che chắn khu vực thi công, hoặc che chắn các bể xử lý lộ thiên giảm thiểu lượng bụi ảnh hưởng đến chất lượng của hệ thống xử lý nước hiện hữu.

- Phun nước tưới ẩm khu vực thi công, khuôn viên nhà máy để giảm lượng bụi phát sinh.

b) Giai đoạn vận hành tổng thể:

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc. Thường xuyên vệ sinh sân bãi, tưới nước mặt đường.

- Trồng và duy trì chăm sóc cây xanh để giảm thiểu khả năng bụi, khí thải phát tán gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh Dự án.

- Bố trí nhà kho chứa hóa chất độc lập, tách biệt với khu vực xung quanh. Kho chứa hóa chất có tường, mái che, nền cao hơn mặt sân tránh nước mưa xâm nhập phản ứng với hóa chất gây mùi.

- Thường xuyên vệ sinh khu vực lưu trữ chất thải rắn đảm bảo không phát sinh mùi hôi.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: quản lý, giám sát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

a) Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:

- Chất thải rắn sinh hoạt: trang bị 10 thùng rác thải loại 20 - 50 lít trên công trường tại vị trí các công trình thi công và trong khuôn viên Nhà máy hiện hữu để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh. Phân loại, thu gom rác thải theo đúng quy định và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đất, đá thừa từ quá trình thi công móng: toàn bộ khối lượng đất thừa được sử dụng để san gạt tôn tạo mặt bằng tại vị trí ô đất dự trữ phát triển nằm trong ranh giới Dự án, không vận chuyển ra khỏi ranh giới Dự án.

+ Chất thải từ quá trình thi công: các loại chất thải có thể tái chế và tái sử dụng như sắt thép vụn,... được thu gom, tập trung và định kỳ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Các loại chất thải xây dựng không tái chế được thu gom lưu giữ tạm tại khu vực lưu chứa tạm có diện tích khoảng 20 m² trong ranh giới Dự án; hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động tại Nhà máy hiện hữu:

+ Bùn thải sau lắng từ hệ thống xử lý nước được bơm về hồ lắng bùn (gồm 04 ngăn, kích thước mỗi ngăn: 19 m x 10 m x 3,5 m, dung tích 665 m³) để tách nước. Nước được bơm tuần hoàn về bể trộn để xử lý. Bùn sau tách nước được ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Bao bì chứa hoá chất xử lý nước sau khi sử dụng được thu gom vào kho chứa chất thải rắn diện tích 05 m², tại khu vực nhà vôi. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định

b) Giai đoạn vận hành tổng thể:

- Chất thải rắn sinh hoạt: trang bị 10 thùng rác thải loại 20 - 50 lít trong khuôn viên nhà máy, khuôn viên các trạm bơm để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Bùn thải sau lắng từ hệ thống xử lý nước được bơm về hồ lắng bùn (gồm 04 ngăn, kích thước mỗi ngăn: 19 m x 10 m x 3,5 m, dung tích 665 m³) để tách nước. Nước được bơm tuần hoàn về bể trộn để xử lý. Bùn sau tách nước được ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Bao bì chứa hoá chất xử lý nước sau khi sử dụng được thu gom vào kho chứa chất thải rắn diện tích 05 m² tại khu vực nhà vôi. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

a) Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu: các loại CTNH phát sinh do hoạt động thi công xây dựng và hoạt động của Nhà máy hiện hữu được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa CTNH có nắp đậy và dán nhãn mác mã CTNH tại kho chứa CTNH hiện hữu diện tích khoảng 20 m², được bố trí tại gần xưởng cơ khí. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành tổng thể: các loại CTNH được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa CTNH có nắp đậy và dán nhãn mác mã CTNH diện tích khoảng 20 m², được bố trí tại gần xưởng cơ khí. Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo kho lưu chứa CTNH của Dự án được thực hiện theo đúng quy định; thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ CTNH phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu: các thiết bị, máy móc phục vụ thi công được kiểm tra, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Giai đoạn vận hành tổng thể: các thiết bị, máy móc được kiểm tra, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng, thay thế thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ, duy trì và chăm sóc cây xanh theo đúng diện tích quy định.

Quy chuẩn áp dụng: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định và tổ chức thực hiện; tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn,

CTNH: kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- Bố trí hệ thống thu gom nước mưa trong giai đoạn vận hành tách biệt với hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải của Dự án. Thường xuyên kiểm tra, khơi thông hệ thống rãnh thoát nước tạm trên mặt bằng, đảm bảo tiêu thoát nước.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Duy trì và bố trí mặt bằng trong khuôn viên Dự án để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó tai nạn giao thông: phối hợp với lực lượng chức năng tại địa phương thực hiện cấm biển báo, chỉ dẫn tuyến đường bộ gần khu vực dẫn vào Dự án; hạn chế tối đa các phương tiện ra vào, vận chuyển, dừng đỗ gần vị trí Dự án trong khung giờ cao điểm; tuyên truyền, giáo dục cho công nhân viên xây dựng về ý thức tham gia giao thông đúng luật, đúng quy tắc, tránh ùn tắc giao thông.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Nhà máy hiện hữu:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (tại vị trí khu văn phòng).
- Thông số giám sát: bụi, CO, SO₂, NO₂, TSP, tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong giai đoạn thi công.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2.2. Quản lý chất thải rắn, CTNH:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành tổng thể:

5.3.1. Giám sát chất lượng nước cấp:

Thực hiện lấy mẫu giám sát chất lượng nước thô và nước cấp sau xử lý theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Cụ thể:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 mẫu tại Bể chứa nước sạch sau xử lý trước khi cấp ra mạng lưới cấp nước.

+ 03 mẫu ngẫu nhiên tại vòi nước sử dụng trên mạng lưới nước cấp.

- Tần suất lấy mẫu:

+ 01 tháng/01 lần đối với các thông số: Coliform tổng số, E. coli, màu sắc, mùi, pH, độ đục, Asen, Clo tự do, Permanganat, Amoni.

+ 06 tháng/01 lần đối với các thông số theo quy định tại QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

5.3.2. Giám sát nước thải:

Dự án không có hoạt động xả nước thải sau xử lý ra môi trường nên không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5.3.3. Quản lý chất thải rắn, CTNH:

- Thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn, CTNH phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tổ chức khai thác nước mặt theo đúng vị trí, khối lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Quan trắc và giám sát thường xuyên chất lượng nước thô, nước sạch sau xử lý trước khi đưa vào hệ thống phân phối nước.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.

101 Tr.

